

Bản án số: **05/2024/HS - ST**
Ngày: 21/02/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

Với Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Khắc Đoàn Cương
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Th Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Vĩnh Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Đỗ Quốc Th, sinh ngày: 17/02/2005; Tên gọi khác: Không; nơi thường trú: ấp 2, xã Bình Thắng, huyện B, tỉnh E. Nơi cư trú: ấp Bình Thuận, thị trấn B, huyện B, tỉnh E; Nghề nghiệp: học sinh; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông: Đỗ Văn Quốc và bà Nguyễn Thị Tha; bị cáo có 01 người em ruột sinh năm 2008 và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam để điều tra từ ngày 19/5/2023 đến ngày 16/8/2023; gia hạn tạm giam để điều tra từ ngày 17/8/2023 đến ngày 14/12/2023; tạm giam để truy tố từ ngày 15/12/2023 đến ngày nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** 1/Võ Thị L, sinh năm 1981, nơi thường trú: ấp Phước Thạnh, xã Thạnh Phước, huyện B (có mặt).

2/ Nguyễn Văn L1, sinh năm 1991, nơi thường trú: khu phố 2, thị trấn B, huyện B (có mặt).

- *Người làm chứng:* Trần Thị Th, sinh năm 1987, nơi cư trú: ấp Bình Thuận, thị trấn B, huyện B, tỉnh E (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Võ Thị L, sinh ngày 27/02/1981, nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện B, có người con ruột là anh Nguyễn Nhật Hào đang thi hành nghĩa vụ quân sự tại Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh E. Bà Loan có mong muốn anh Hào được thực hiện nghĩa vụ quân sự tại huyện B cho gần nhà, nên bà tìm người nhờ giúp đỡ.

Trong tháng 12 năm 2022 (không rõ ngày), thông qua sự giới thiệu của bà Trần Thị Th, sinh ngày 07/01/1987, nơi cư trú: ấp Bình Thuận, thị trấn B, bà L gặp Đỗ Quốc Th và nhờ Th giúp đỡ, để đưa anh Hào về thực hiện nghĩa vụ quân sự tại huyện B. Th đồng ý và nói dối với bà Loan là mình có quen biết với Ban Chỉ huy Quân sự huyện B và giúp điều chuyển anh Hào về thi hành nghĩa vụ quân sự tại Ban Chỉ huy Quân sự huyện B theo đúng nguyện vọng của bà Loan, nhưng bà Loan phải đưa tiền Th thực hiện công việc với số tiền 120.000.000 đồng. Bà Loan tin tưởng là thật, nên đồng ý.

Đến khoảng tháng 02 và tháng 3 năm 2023 (không rõ ngày), Th gọi điện thoại giả giọng tự giới thiệu là Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện B yêu cầu bà Loan đưa tiền cho Th để làm thủ tục. Bà Loan đưa cho Th tổng cộng 12 lần tiền với tổng số tiền 120.000.000 đồng tại thị trấn B và ấp Phước Thạnh, xã Thạnh Phước. Để tiếp tục tạo lòng tin, Th đưa cho bà Loan cất giữ 02 Quyết định của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh E về việc giải quyết cho anh Hào được xuất ngũ về địa phương (cả 02 quyết định này đều bản photocopy, con dấu đen do Th tự in, tự cắt dán). Sau khi nhận đủ tiền, Th sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 01/4/2023, khi đợi mãi mà không thấy anh Hào được đưa về thực hiện nghĩa vụ quân sự tại huyện B, bà Loan biết mình bị lừa đảo, nên làm đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Trong quá trình điều tra vụ án, ngày 21/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp nhận đơn tố giác tội phạm của anh Nguyễn Văn L1, sinh ngày 10/11/1991, nơi cư trú: khu phố 2, thị trấn B, tố giác Đỗ Quốc Th lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh với số tiền 210.000.000 đồng. Qua điều tra đã xác định như sau:

Vào năm 2022 (không rõ ngày, tháng), Đỗ Quốc Th biết anh Nguyễn Văn L1 có 02 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki C120 và Honda Wave, nhưng chưa làm thủ tục đăng ký xe chính chủ. Biết anh L1 có nhu cầu đăng ký xe, nên Th nói dối là mình có quen biết với cán bộ đăng ký xe thuộc Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện B, nhận làm thủ tục đăng ký xe chính chủ và xin được biển số đẹp. Nghe vậy, anh L1 đồng ý cho Th thực hiện. Th tạo lập giả trang Zalo của một cán bộ Cảnh sát giao thông, nhắn tin với anh L1 và yêu cầu anh L1 đưa cho Th số tiền 210.000.000 đồng để làm thủ tục đăng ký xe và cấp biển số xe. Anh L1 tin tưởng là thật, nên đã đưa cho Th số tiền 210.000.000 đồng. Th nhận tiền và sử dụng tiêu xài cá nhân.

Để che giấu hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình, Th đã thu thập thông tin cá nhân, đặc điểm 02 xe mô tô của anh Lặc, rồi lên mạng xã hội Facebook liên lạc với 01 đối tượng không rõ lai lịch nhân thân, để thuê làm giả 02 giấy đăng ký xe mô tô và 02 biển số xe mang số 71C1-697.99 và số 71C1-699.99 với giá tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, Th đưa cho anh Lặc 02 giấy đăng ký xe mô tô giả và 02 biển số xe giả này. Trong lúc anh Lặc sử dụng xe và giấy tờ xe lưu thông trên đường, thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện B tuần tra phát hiện tạm giữ và thông báo cho anh Lặc biết đó là giấy tờ giả. Lúc này, anh Lặc biết mình bị lừa, nên đã làm đơn tố giác Th đến Cơ quan điều tra.

Tại bản Kết luận giám định số 565/2023/KL-KTHS ngày 14/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh E kết luận:

- 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71 006164 (biển số 71C1-699.99) và số 71 003242 (biển số 71C1-697.99) là giấy giả; được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn màu đỏ trên 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71 006164 (biển số 71C1-699.99) và số 71 003242 (biển số 71C1-697.99) là hình dấu giả, được in bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Lê Quang Phú trên 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71 006164 (biển số 71C1-699.99) và số 71 003242 (biển số 71C1-697.99) so với chữ ký mẫu so sánh của ông Lê Quang Phú không phải do cùng một người ký ra.

- 02 biển số xe mang số 71C1-699.99 và số 71C1-697.99 so với biển số xe mẫu so sánh không phải do cùng một khuôn dập ra.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bà L yêu cầu Th bồi thường số tiền 120.000.000 đồng. Th đã bồi thường trước cho bà L số tiền 60.000.000 đồng. Còn lại phải bồi thường tiếp cho bà Loan số tiền 60.000.000 đồng. Ông L1 yêu cầu Th bồi thường số tiền 210.000.000 đồng, tại phiên tòa gia đình bị cáo Th tự nguyện bồi thường cho ông L1 nhận tại phiên tòa là 20.000.000 đồng. Th Còn phải bồi thường tiếp cho ông L1 số tiền 190.000.000 đồng. Bà L có đơn xin bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th.

Tại bản Cáo trạng số: 07/CT -VKSBD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Đỗ Quốc Th về các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự, tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận:

- Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đỗ Quốc Th về 02 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự, tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự

xử phạt bị cáo Đỗ Quốc Th mức án từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Quốc Th mức án từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội để buộc bị cáo Đỗ Quốc Th phải chấp hành hình phạt chung theo quy định của pháp luật.

* Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy 02 biển số xe giả mang số 71C1-699.99 và số 71C1-697.99.

* Trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự buộc Đỗ Quốc Th bồi thường thiệt hại cho bà Võ Thị L số tiền 60.000.000 đồng và bồi thường cho anh Nguyễn Văn L1 số tiền 190.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên Tòa, bị cáo Đỗ Quốc Th khai: xác định cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự, tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng. Tại tòa, bị cáo, bị hại bà Loan, ông Lặc xin giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện cải tạo tốt.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đỗ Quốc Th: Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại (trong giai đoạn điều tra) không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên Cơ quan điều tra đã tiến hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự khi tiến hành tố tụng đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi. Tại phiên tòa xét xử hôm nay, bị cáo là người đã đủ 18 tuổi nên việc xét xử đối với bị cáo được tiến hành theo thủ tục thông thường là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Quốc Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với các tình tiết của vụ án cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận giám định tài liệu, vật chứng bị tạm giữ là giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy, biển số xe đều giả, lời khai của người bị hại cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến tháng 3 năm 2023, tại thị trấn B và ấp Phước Thạnh, xã Thạnh Phước, huyện B, do động cơ tư lợi, Đỗ Quốc Th thực hiện hành vi gian dối để lừa đảo chiếm đoạt của bà Võ Thị L số tiền 120.000.000 đồng và của anh Nguyễn Văn L1 số tiền 210.000.000 đồng, tổng cộng chiếm đoạt số tiền 330.000.000 đồng. Ngoài ra, Th đã cung cấp thông tin của anh Lặc để làm giả 04 tài liệu bao gồm 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả của Công an huyện B và 02 biển số xe giả cho anh Lặc.

[3] Xét hành vi của bị cáo Đỗ Quốc Th là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức và của cán bộ công chức; xâm phạm đến lợi ích Nhà nước, của tổ chức và quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội tuy bị cáo là người chưa Th niên nhưng nhận biết và thấy được với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác nên bị cáo đã cố ý dùng thủ đoạn gian dối bằng hình thức làm giả tài liệu và giấy tờ xe mô tô giả rồi dùng giấy tờ giả này để chiếm đoạt tài sản của bà Loan 120.000.000 đồng, của ông Lặc 210.000.000 đồng và làm cho bà Loan, ông Lặc tin rằng đây là giấy tờ thật. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân chưa tốt do đã bị xử phạt về hành vi này theo bản án số 10/2023/HS-ST ngày 31/03/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E đang trong thời chấp hành án.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên”

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên Tòa, bị cáo đã Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của cả hai tội phạm của mình góp phần cho việc điều tra, truy tố, xét xử được thuận lợi. Bị cáo tự nguyện bồi thường 01 phần thiệt hại cho người bị hại trong vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đồng thời, khi phạm tội, bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên được hưởng thêm các Điều 90; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với người phạm tội dưới 18 tuổi.

[7] Về lượng hình: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có không tiền án, tiền sự. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố.

Đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” xét thấy bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Vì vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, trên cơ sở xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, động cơ và mục đích phạm tội, bị cáo cùng lúc đã phạm nhiều tội thuộc trường hợp nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần đã bị xử phạt về hành vi này theo bản án số 10/2023/HS-ST ngày 31/03/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E đang trong thời chấp hành án. Nên căn cứ Điều 55, 56 Bộ luật hình sự đề tổng hợp hình phạt. Xét thấy, cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo có ý thức trong việc tôn trọng pháp luật, tôn trọng về quyền sở hữu tài sản của người khác và sửa chữa những sai lầm để trở Th người công dân lương thiện, có ích cho xã hội, đồng thời góp phần trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

[8] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Do vật chứng là tài liệu giả, cấm lưu hành nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy: 02 biển số xe mang số 71C1-699.99 và số 71C1-697.99.

Riêng đối với 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71 006164 (biển số 71C1-699.99) và số 71 003242 (biển số 71C1-697.99) là giấy giả là tài liệu làm chứng cứ và đã niêm phong lưu hồ sơ vụ án nên không xử lý.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà L yêu cầu Th phải trả số tiền 60.000.000 đồng. Ông L1 yêu cầu Th trả số tiền 190.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý nên ghi nhận.

Buộc bị cáo Đỗ Quốc Th phải trả lại cho bà Võ Thị Lim Loan 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Buộc bị cáo Đỗ Quốc Th phải trả lại cho ông Nguyễn Văn L1 số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

[10] Đối với lời luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên về các tình tiết giảm nhẹ, về hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[11] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo phạm 02 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” do đó áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự đề tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội phạm. Ngoài ra, bị cáo đang chấp hành hình phạt là 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù theo bản án số 10/2023/HS-ST ngày 31/03/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E. Do hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trước khi có bản án sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 31/03/2023 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt

của 02 bản án và thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

Theo quyết định thi hành án phạt tù số 16/2023/QĐ-CA ngày 05/05/2023 của Tòa án nhân dân huyện B và biên bản tiếp nhận người bị kết án phạt tù tại ngoại đến trình diện thi hành án của Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B thì bị cáo chấp hành hình phạt tù từ ngày 12/05/2023 đến ngày 19/05/2023 bị cáo bị tạm giam để điều tra theo lệnh tạm giam số 04/LTG-DTTH ngày 17/05/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B. Như vậy, thời gian chấp hành hình phạt tù của bản án số 10/2023/HS-ST ngày 31/03/2023 từ ngày 12/05/2023 đến ngày 18/05/2023.

[12] Qua quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không làm rõ được lai lịch nhân thân, địa chỉ của đối tượng làm thuê 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả và 02 biển số xe giả cho Đỗ Quốc Th qua mạng xã hội Facebook, nên không xem xét xử lý gì thêm.

Ông Nguyễn Văn L1 không biết 02 giấy đăng ký xe mô tô và 02 biển số xe do bị can Đỗ Quốc Th đưa đều là giả, nên vẫn sử dụng cho đến khi bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện B phát hiện. Do đó, hành vi của anh L1 không cấu thành tội phạm.

Bà Trần Thị Th có giới thiệu bị can Đỗ Quốc Th cho bà Võ Thị L để Th giúp đỡ bà Loan đưa anh Hào về thực hiện nghĩa vụ quân sự tại huyện B, nhưng bà Th không biết bị can Th thực hiện hành vi gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Loan, bà Th cũng không có hưởng lợi ích vật chất gì trong vụ án này, nên không đồng phạm với bị can Th trong vụ án. Vì vậy, không xem xét xử lý trách nhiệm là đúng với quy định của pháp luật.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người bị kết án và có trách nhiệm trả tiền bị biếm đoạt cho bị hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đỗ Quốc Th phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Quốc Th phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Quốc Th 09 (chín) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Quốc Th 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội buộc bị cáo Đỗ Quốc Th phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt cho cả 02 bản án là 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” tại bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 31/03/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E với hình phạt 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù tại bản án này(đã khấu trừ thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày 12/05/2023 đến ngày 18/05/2023). Buộc bị cáo Đỗ Quốc Th chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 01 (một) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/05/2023.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Quốc Th phải trả lại cho bà Võ Thị L 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Buộc bị cáo Đỗ Quốc Th phải trả lại cho ông Nguyễn Văn L1 số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Phan Thanh Liêm chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy: 02 biển số xe mang số 71C1-699.99 và số 71C1-697.99.

Riêng đối với 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71 006164 (biển số 71C1-699.99) và số 71 003242 (biển số 71C1-697.99) là tài liệu, chứng cứ giả đã niêm phong lưu hồ sơ vụ án nên không xử lý.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đỗ Quốc Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Đỗ Quốc Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh E xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- TAND tỉnh E;
- VKSND tỉnh E;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Cơ quan THAHS Công an huyện B;
- Nhà tạm giữ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thu Hương